



Bé lùra

Eselbarnet

- ✎ Lindiwe Matshikiza
- 👤 Meghan Judge
- 💬 Phuong Nguyen
- 🗨️ vietnamesisk / nynorsk
- 📶 nivå 3





Một cô bé là người đầu tiên nhìn thấy một hình dạng bí ẩn từ đằng xa.

...

Det var ei lita jente som først såg den mystiske skikkelsen i det fjerne.



Khi hình dạng ấy tiến gần hơn, cô bé nhận ra đó là một người phụ nữ đang mang thai lớn.

...

Etter kvart som skikkelsen kom nærare, såg ho at det var ei høggravid kvinne.



Tuy nhút nhát nhưng can đảm, cô bé tiến gần bên người phụ nữ. Những người đi cùng cô bé nói: “Chúng ta phải giữ cô ấy ở lại cùng chúng ta. Chúng ta sẽ giữ cho cô này và con của cô an toàn.”

...

Sjenert, men modig gjekk den vesle jenta nærare kvinna. “Vi må halda på henne her hos oss”, bestemte dei som var med den vesle jenta. “Vi skal verna henne og barnet hennar.”



Chẳng mấy chốc, em bé sắp chào đời. “Đẩy ra nào! Mang mền đến đây! Nước! Đẩy ra nào!!!”

...

Barnet var snart på veg. “Trykk!” “Hent pledd!”
“Vatn!” “Tryyyykk!”



Nhưng khi nhìn thấy em bé, mọi người đều nhảy ra xa vì quá bất ngờ. “Một con lừa sao?!”

...

Men då dei fekk sjå babyen, veik alle tilbake i sjokk. “Eit esel?”



Mọi người bắt đầu tranh luận. Một vài người nói: “Chúng ta đã nói là chúng ta sẽ giữ cho người mẹ và đứa trẻ an toàn, và đó là điều chúng ta sẽ làm.” Những người khác lại nói: “Nhưng họ sẽ đem lại điều xui xẻo cho chúng ta.”

...

Alle saman byrja á krangla. “Vi sa vi skulle verna mor og barn, og det skal vi gjera”, sa nokon. “Men dei kjem til å bringa ulukke!” sa andre.



Thế là người phụ nữ lại bị bỏ lại một mình. Cô tự hỏi phải làm gì với em bé kì quặc này. Cô tự hỏi phải làm gì với bản thân mình.”

...

Og slik var det at kvinna vart åleine igjen. Ho lurte på kva ho skulle gjera med dette rare barnet. Ho lurte på kva ho skulle gjera med seg sjølv.



Nhưng cuối cùng, cô phải chấp nhận là lừa là con trai của mình và mình là mẹ của lừa.

...

Men til slutt godtok ho at han var barnet hennar og at ho var mor hans.



Bây giờ, nếu như lừa cứ như vậy, cứ nhỏ như vậy, thì mọi thứ đã khác đi rồi. Tuy nhiên, bé lừa cứ lớn mãi đến khi nó không còn vừa trên lưng mẹ nữa. Và dù cố gắng thế nào, lừa cũng không thể nào cư xử giống người được. Mẹ nó cảm thấy mệt mỏi và bức bối. Thỉnh thoảng, cô còn bắt lừa làm những việc dành cho thú vật.

...

Viss berre barnet hadde halde på den vesle storleiken, hadde alt kanskje vore annleis. Men eselbarnet voks og voks heilt til han ikkje lenger fekk plass på ryggen til mora. Og uansett kor hardt han freista, klarte han ikkje å oppføra seg som eit menneske. Mor hans var ofte sliten og frustrert. Nokre gongar sette ho han til å gjera arbeid som var meint for dyr.



Lừa càng ngày càng cảm thấy bối rối và bực tức. Nó không thể làm cái này, cũng không thể làm cái kia. Nó không thể là cái này, cũng không thể là cái kia. Nó giận quá đến nỗi một ngày nọ, nó đá mẹ nó xuống đất.

...

Esel vart fylt av forvirring og sinne. Han kunne ikkje gjera ditt og han kunne ikkje gjera datt. Han kunne ikkje vera på éin måte og han kunne ikkje vera på ein annan måte. Han vart så sint at han ein dag sparka ned huset til mor si.



Lừa cảm thấy vô cùng tủi hổ. Nó bắt đầu chạy xa và nhanh trong giới hạn có thể.

...

Esel skamma seg. Han byrja á springa vekk så fort han kunne.



Khi Lừa dừng lại, trời đã tối rồi, và Lừa bị lạc. Nó thì thầm trong bóng tối: “Hi-hô?” Tiếng thì thầm lại vọng về: “Hi-hô?” Lừa chỉ có một mình. Năm cuộn tròn người lại như một quả bóng, nó chìm vào giấc ngủ sâu và đầy mộng mị.”

...

Når han hadde slutta å springa, var det vorte kveld, og Esel hadde gått seg vill. “Hi ha”, kviskra han inn i mørket. “Hi ha?” lydde ekkoet. Han var åleine. Han krøkte seg saman til ein liten ball og fall i ein djup og forstyrra søvn.



Lừa tỉnh dậy và thấy một ông già lạ đang nhìn nó. Nó nhìn vào mắt ông già và bắt đầu cảm thấy có một tia hi vọng.

...

Esel vakna opp til ein merkeleg gammal mann som stira ned på han. Han såg inn i auga til den gamle mannen og byrja å kjenna ein snev av håp.



Lừa đến ở cùng ông già, người đã dạy nó nhiều cách để sống sót. Lừa nghe và học theo, và ông già cũng vậy. Họ giúp đỡ lẫn nhau, và họ cười cùng nhau.

...

Esel drog for å bu med den gamle mannen, som lærte han mange ulike måtar å overleva på. Esel lytta og lærte, og det gjorde den gamle mannen òg. Dei hjelpte kvarandre og dei lo saman.



Một buổi sáng nọ, ông già bảo Lừa chở ông lên đỉnh núi.

...

Ein morgon bad den gamle mannen Esel om å bera han opp til toppen av eit fjell.



Khi ở cao giữa những đám mây, họ ngủ thiếp đi.
Lừa nằm mơ thấy mẹ mình bệnh và đang gọi
mình. Sau đó, Lừa tỉnh dậy...

...

Høgt oppe blant skyene sovna dei. Esel drøymde
at mor hans var sjuk og ropte på han. Og då han
vakna ...



và những đám mây cùng với ông già đã biến mất.

...

... hadde skyene forsvunne, liksom venen hans,
den gamle mannen.



Lừa cuối cùng cũng đã biết phải làm gì.

...

Esel visste endeleg kva han skulle gjera.



Lừa thấy mẹ đang khóc một mình cho đứa con đã mất. Họ nhìn nhau chậm chậm trong một thời gian dài. Và sau đó, họ ôm nhau thật chặt.

...

Esel fann mor si som var åleine, og sørge over tapet av barnet sitt. Dei stira på kvarandre lengje. Og så klemde dei kvarandre veldig hardt.



Lừa và mẹ sống cùng nhau và tìm ra nhiều cách sống cạnh bên nhau. Dần dần, những gia đình khác cũng bắt đầu tới ở xung quanh họ.

...

Eselbarnet og mor hans har utvikla seg i fellesskap og funne mange måtar å leva side ved side. Sakte men sikkert har andre familiar byrja å slå seg ned rundt dei.



Barnebøker for Norge

barneboker.no

Bé lùra

Eselbarnet

Skrevet av: Lindiwe Matshikiza

Illustret av: Meghan Judge

Oversatt av: Phuong Nguyen (vi), Espen Stranger-Johannessen, Martine Rørstad Sand (nn)

Denne fortellingen kommer fra African Storybook (africanstorybook.org) og er videreformidlet av Barnebøker for Norge (barneboker.no), som tilbyr barnebøker på mange språk som snakkes i Norge.

Dette verket er lisensiert under en Creative Commons
[Navngivelse 4.0 Internasjonal Lisens](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/).